TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 11/2023/DS-ST
Ngày 07 tháng 4 năm 2023
"V/v hợp đồng ủy quyền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Tiến.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hà**.
Ông **Nguyễn Văn Hùng.**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Lê Thị Mai** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Khuê** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân thụ lý số 150/2022/TLST- DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa:

***** *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Q, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

***** *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1- Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

2- Văn Phòng Công chứng Trần Văn Thực.
Địa chỉ: Tỉnh lộ 44A khu phố Hiệp Hòa, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật ông Trần Văn Thực, chức vụ: Trưởng Văn phòng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/10/2022, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thể hiện như sau:* Ông Nguyễn Q với bà Nguyễn Thị Lệ H có quan hệ vợ chồng, ông Q là cha ruột của Nguyễn Ngọc T.

Vợ chồng ông Q sống chung có tạo lập quyền sử dụng đất các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486 tờ bản đồ số 27 xã Phước Long Thọ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H đứng tên. Khoảng tháng 9/2022 ông Q bị bệnh tắc ngẽn đường thở phải nhập viện điều trị, khi đang điều trị bệnh, tinh thần không được minh mẫn. Ông Nguyễn Ngọc T chở ông Q đến Văn phòng Công chứng ký hợp đồng ủy quyền giao đất cho T, khi về nhà T ngược đãi đuổi ông Q ra khỏi nhà, ông Q phải ra ngoài thuê nhà trọ sống. T nói với ông Q nhà đất của ông Q hiện nay là của T, T đã được ông Q ủy quyền giao cho T nên ông Q không còn quyền. Từ đó ông Q mới biết trước đây T chở ông Q đến Văng phòng công chứng ký là ký hợp đồng ủy quyền giao đất cho T. Hợp đồng ủy quyền ký do bị lừa dối nên việc ký hợp đồng không có điều kiện và cũng không thù lao. Khi ông Q biết ông đã ký hợp đồng ủy quyền nên có yêu cầu chấm dứt, nghĩa là ông không chấp nhận ủy quyền tài sản cho ai cả, vợ và các con, nhưng vợ và các con không đồng ý từ đó ông khởi kiện đến Toà án nhờ giải quyết. Nay, ông Q yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng ủy quyền đối với các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486 tờ bản đồ số 27 xã Phước Long Thọ, người được ủy quyền là Nguyễn Ngọc T, hợp đồng được Văn phòng Công chứng Trần Văn Thực ký công chứng số 8117 ngày 15/9/2022.

** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt, trong quá trình thụ lý Tòa án triệu tập hòa giải ông T không tham gia hòa giải, tại bản khai đề ngày 25/11/2022 ông T trình bày:* Ông T là con ruột của ông Q với bà H, thường ngày ông Q thường hay la mắng ông T ăn hết của, lấy hết tài sản của ông Q, nhưng ông T không quan tâm. Khi ông Q bị bệnh, ông T vẫn quan tâm chắm sóc lo thuốc than bồi dưỡng sức khỏe. Ông Q lại loan tin là ông T cho uống thuốc độc để giết ông Q. Việc ký hợp đồng ủy quyền ông Q, bà H đều tự nguyện không ai ép buộc và đã có sự thỏa thuận của gia đình từ trước. Sau khi ký hợp đồng về ông Q thay đổi tính tình thường gây gỗ với mọi người trong nhà. Cho rằng ông T chiếm đoạt hết tài sản, ông Q đi trình báo Công an xã và cùng Công an đến nhà rồi ông Q thu gom quần áo đồ dùng cá nhân ra đi khỏi nhà vào ngày 29/9/2022 đến nay. Lý do ông Q ra đi để khởi kiện tranh chấp và vu khống ông T, bà H âm mưu chiếm đoạt tài sản, do ông Q nghe lời người ngoài mà không tin tưởng vào gia đình, sự thật ông Q chỉ bị bệnh phổi khó thở, tinh thần vẫn minh mẫn không có vấn đề gì, việc công chứng ủy quyền là ý chí tự nguyện của ông Q, nên ông T không chấp nhận yêu câu của ông Q.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày như sau:* Bà H có quan hệ là vợ của ông Q, trong cuộc sống vợ chồng ông Q không quan tâm gia đình không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm làm chồng, vợ chồng có tạo lập quyền sử dụng đất công lao nhiều là bà H. Trong cuộc sống bà H cũng như các con chăm lo cho ông Q lúc ông Q bị bệnh, việc ủy quyền đất cho con giữa bà H với ông Q đã có thỏa thuận, ông Q ký hợp đồng là hoàn toàn minh mẫn không có sự ép buộc hay lừa dối. Sau khi ký hợp đồng ông Q về nhà đổi tính thường gây gỗ và trình báo với Công an, khai báo gian dối rằng ông bị ngược đãi, Công an có đến nhà xác minh. Ông Q tự ra khỏi nhà rồi vu oan cho rằng bị vợ con đuổi, thực tế không ai đuổi ông Q, ngược lại khuyên bảo ông về nhưng ông không chịu về. Ông Q đã nghe lời người

ngoài nên khởi kiện chấm dứt việc ủy quyền, ông Q yêu cầu chấm dứt hợp đồng là không có căn cứ nên bà H không chấp nhận, riêng phần quyền ủy quyền của bà H, bà H không thay đổi.

Tại Công văn số 217/VPCC ngày 23/11/2022 của Văn phòng công chứng Trần Văn Thực: Việc công chứng hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị Lệ H với bên được ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T đối với quyền sử dụng đất, được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo Luật Công chứng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự; Bị đơn vi phạm, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày, tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, luật sư và các đương sự;

XÉT THẤY

**** Về tố tụng:*** Ông Nguyễn Q khởi kiện tranh chấp hợp đồng ủy quyền với ông Nguyễn Ngọc T, ông T có nơi cư trú tại xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt, việc xét xử vắng mặt đương sự đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**** Về nội dung:***

[1] Ông Nguyễn Q khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền được Văn phòng Công chứng Trần Văn Thực ký công chứng số 8117 ngày 15/9/2022, bên ủy quyền là ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị Lệ H, bên được ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T, đối với quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486 tờ bản đồ số 27 xã Phước Long Thọ, theo bản đồ địa chính được trích lục ngày 03/01/2023 có tổng diện tích là 15.900,1m^2. Về nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính ghi do khai hoang, nhưng ông Q và bà H thừa nhận là tài sản chung nguồn gốc do nhận chuyển nhượng mà có. Bà H đăng ký được UBND huyện Long Đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 718049 ngày 12/11/1998 do bà H đứng tên. Ông Q yêu cầu chấm dứt ủy quyền phần quyền về tài sản phần quyền của của ông Q, bà H không đồng ý, phần quyền về tài sản của bà H vẫn giữ nguyên. Quá trình thụ lý giải quyết không triệu tập được ông T, ông T chỉ cung cấp bản khai không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa, nên các bên không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét tính pháp lý của hợp đồng ủy quyền: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Lệ H, nhưng đây là tài sản phát sinh trong giai đoạn hôn nhân các bên đều thừa nhận là tài sản chung nên xác định ông Q có quyền về tài sản. Công văn của Văn phòng công chứng Trần Văn Thực cho rằng việc công chứng hợp đồng đúng trình tự, thủ tục của Luật công chứng. Ông Q thừa nhận có đến Văn phòng công chứng ký tên, cho rằng lúc ký tinh thần không minh mẫn, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh do bị ép buộc hay đang bị hạn chế về tinh thần, do đó hợp đồng ủy quyền có hiệu lực pháp lực không bị vô hiệu.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hợp đồng không bị vô hiệu, nhưng người ủy quyền vẫn có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng, được quy định tại Điều 569 bộ luật dân sự "Bên ủy quyền, bên được uỷ có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền nhưng phải báo cho bên kia biết trong một thời gian hợp lý". Mặc dù ông Q không cung cấp được việc có thông báo trước cho ông T về việc chấm đứt hợp đồng, nhưng từ ngày tòa án thụ lý vụ kiện đã thông báo thụ lý yêu cầu của ông Q cho ông T biết về việc ông Q yêu cầu chấm dứt hợp đồng, xem như là đã báo cho ông T biết, nên có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền của ông Q.

[4] Xét các vấn đề khác liên quan đến việc chấm dứt ủy quyền: Tại Điều 2 của hợp đồng ghi hợp đồng không có thù lao, các công việc ủy quyền được ghi trong hợp đồng bên được ủy quyền cũng không chứng minh được đã thực hiện công việc được ủy quyền, hoặc có xâm phạm đến quyền lợi của người thứ ba, Nên bên ủy quyền không phải chịu trách nhiệm thanh toán chi phí, thực hiện công việc ủy quyền, hay trả thù lao khi chấm dứt hợp đồng. Do ông Q chỉ có quyền một phần quyền về tài sản, nên yêu cầu chấm dứt trong phạm vi phần quyền của ông trong khối tài sản chung, phần ủy quyền của bà H không bị chấm dứt.

[5] Về chi phí tố tụng: Không có.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Nguyễn Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 147, 165, 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 422, 428, 562, 569 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Q về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng ủy quyền.

Tuyên bố chấm dứt một phần hợp đồng ủy quyền trong phạm vi quyền về tài sản của ông Nguyễn Q được Văn phòng Công chứng Trần Văn Thực ký công chứng số 8117 ngày 15/9/2022 giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị Lệ H,

bên được ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T, đối với quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 828, 863, 403, 127, 460, 486 tờ bản đồ số 27 xã Phước Long Thọ.

2- Về chi phí tố tụng: Không có.

3- Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

4- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/4/2023) nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

NGUYỄN VĂN TIẾN

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT.*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*